

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 31/8/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	232.655	143.365	-	-	89.290	120.763	55.578	0	0	65.185	51,9	
A	VỐN TÍNH QUẢN LÝ	950	950	-	-	-	950	950	0	0	0	100,0	
	Dự án tất toán, thanh toán khối lượng												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thi trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nốt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	VỐN TÍNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	142.415	142.415	-	-		54.628	54.628	0	0		38,4	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	49.230	49.230	0	0	15.000	13.718	13.718	0	0	14.986	27,9	
*	Giao thông												
1	Làng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	790	790			450	333	333			450	42,2	
2	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hùn) ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	725	725			320	388	388			314	53,6	
3	Làng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thanh	460	460			450	460	460			450	100,0	
4	Làng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thanh	245	245			220	245	245			220	100,0	
5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	260	260			310	260	260			310	100,0	
6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	255	255			230	255	255			230	100,0	
7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	735	735			900	345	345			900	46,9	
8	Làng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	835	835			380	426	426			372	51,0	
9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	300	300			295	300	300			295	100,0	
10	Làng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	470	470			450	470	470			450	100,0	
11	Làng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thanh	535	535			490	532	532			490	99,3	
12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	175	175			170	175	175			170	100,0	
13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tấn, xã Phước Thanh	355	355			330	355	355			330	100,0	
14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	140	140			140	140	140			140	100,0	
15	Làng nhựa đường trục ấp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	565	565			500	565	565			500	100,0	
16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thanh	290	290			270	290	290			270	100,0	
17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	300	300			270	300	300			270	100,0	
18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	135	135			130	135	135			130	100,0	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	120	120			110	120	120			110	100,0	
20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thanh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông	90	90			80	90	90			80	100,0	
21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thanh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà tro	310	310			270	310	310			270	100,0	
22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thanh	380	380			340	380	380			340	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh (nhà ông Đắc)	455	455			300	455	455			300	100,0	
24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thanh	510	510			630	510	510			630	100,0	
25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thía) ấp Phước Hội	310	310			290	260	260			290	84,0	
26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	225	225			220	225	225			220	100,0	
27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thanh	255	255			220	255	255			220	100,0	
28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	135	135			125	135	135			125	100,0	
29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Ranh)	135	135			145	135	135			145	100,0	
30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	390	390			360	390	390			360	100,0	
31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	170	170			165	170	170			165	100,0	
32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	300	300			290	300	300			290	100,0	
33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	275	275			240	275	275			240	100,0	
34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	280	280			250	280	280			250	100,0	
35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	300	300			260	300	300			260	100,0	
36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	0				335	0	0			335	#DIV/0!	
37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	0				650	0	0			650	#DIV/0!	
38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	0				320	0	0			320	#DIV/0!	
39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				410	0	0			410	#DIV/0!	
40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				570	0	0			570	#DIV/0!	
41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250	250			250	250	250			250	100,0	
42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rồng, xã Thanh Đức	435	435			410	435	435			410	100,0	
	NTM chưa phân khai chi tiết	28.275	28.275										
43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thanh	700	700			600	654	654			600	93,5	
44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Cha ấp 7, xã Bàu Đôn	0				640	0	0			640	#DIV/0!	
45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	510	510			215	510	510			215	100,0	
46	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lặc đến hộ bà Phạm Thị Đen) ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	450	450				207	207				45,9	
47	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhà đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	400	400				186	186				46,6	
48	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhơ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	350	350				183	183				52,3	
49	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	300	300				140	140				46,6	
50	Làng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bò, xã Hiệp Thanh	1.500	1.500				74	74				4,9	
51	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thanh	1.000	1.000				54	54				5,4	
52	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	850	850				0	0				0,0	
53	BTXM đường trục ấp đường đối diện VP ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thanh	450	450				211	211				47,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
54	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tô 4 (2 nhánh) ấp Cây Da, xã Hiệp Thanh	250	250				121	121				48,3	
55	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tô 02 ấp Cầu Sắt xã Thanh Đức	300	300				124	124				41,4	
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tô 03 Đồng lúa gieo ấp Rộc B xã Thanh Đức	1.000	1.000				4	4				0,4	
II	Chỉnh trang đô thị	60.000	60.000	0	0	0	29.032	29.032	0	0	0	48,4	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				26.032	26.032				86,8	
	Dự án chuyển tiếp												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				3.000	3.000				10,0	
III	Hỗ trợ khác	16.700	16.700	0	0	0	6.785	6.785	0	0	0	40,6	
	Dự án chuyển tiếp												
1	Trường Trung học cơ sở Thanh Đức	10.000	10.000				85	85				0,9	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				6.700	6.700				100,0	
IV	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn	6.485	6.485	0	0	0	5.093	5.093	0	0	0	78,5	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	1.835	1.835				1.303	1.303				71,0	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đồng	1.550	1.550				1.139	1.139				73,5	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	1.550	1.550				1.101	1.101				71,1	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
V	Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	10.000	10.000				0					0,0	
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN	89.290	-	-	-	89.290	65.185	0	0	0	65.185	73,0	
I	Nguồn cân đối ngân sách	12.190	0	0	0	12.190	6.631	0	0	0	6.631	54,4	
a	Ngân sách cấp huyện	11.190	0	0	0	11.190	6.631	0	0	0	6.631	59,3	
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học	3.000	0	0	0	3.000	2.635	0	0	0	2.635	87,8	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đà Hàng	1.500				1.500	1.198				1.198	79,9	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đồn	800				800	800				800	100,0	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	200				200	137				137	68,4	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thanh	500				500	500				500	100,0	
2	Chuẩn bị đầu tư	600	0	0	0	600	450	0	0	0	450	75,0	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	150				150	150				150	100,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	150				150	100,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đồn)	150				150	150				150	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trươi đến ngã	150				150	0				0	0,0	
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	7.590	0	0	0	7.590	3.546	0	0	0	3.546	46,7	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	700				700	0				0	0,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	0				0	0,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	700				700	0				0	0,0	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700				700	247				247	35,3	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.754				1.754	87,7	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thanh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	876				876	43,8	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	669				669	84,7	
b	Ngân sách cấp xã	1.000				1.000	0					0,0	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	70.000	0	0	0	70.000	52.266	0	0	0	52.266	74,7	
I	Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành	10.000	0	0	0	10.000	9.857	0	0	0	9.857	98,6	
*	Các công trình xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT giao thông, điện chiếu sáng, kênh thủy lợi- 00492; văn hóa-00496; thể dục thể thao -00495)												
1.1	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 17-18 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	80				80	80				80	100,0	
1.2	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 11-21 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	62				62	62				62	100,0	
1.3	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 13-16 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	419				419	406				406	96,8	
1.4	Làng nhựa đường trục ấp đường hẻm 52 - HL 1 ấp Cây Xoài, xã Thanh Phước	395				395	385				385	97,4	
1.5	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	29				29	22				22	74,2	
1.6	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 11-12-13 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	168				168	163				163	96,7	
1.7	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 5-6-12 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	130				130	122				122	94,2	
1.8	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	405				405	390				390	96,3	
1.9	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 130 đường Cầu Sao - Xóm Đông, xã Thanh Phước	46				46	46				46	100,0	
1.10	Nâng cấp làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 ấp Rừng Tượng, xã Thanh Phước	48				48	48				48	100,0	
1.11	Nâng cấp làng nhựa đường trục ấp đường Hẻm 154 đường Cầu Sao Xóm Đông, xã Thanh Phước	165				165	161				161	97,9	
1.12	Làng nhựa đường trục ấp đường hẻm 34 ấp Rừng Tượng, xã Thanh Phước	163				163	159				159	97,7	
1.13	Bê tông xi măng đường hẻm 77 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	55				55	52				52	93,8	
1.14	Nâng cấp làng nhựa đường trục ấp đường hẻm 69 - Quốc lộ 22, xã Thanh Phước	184				184	184				184	100,0	
1.15	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 46 - Quốc Lộ 22, xã Thanh Phước	52				52	49				49	93,4	
1.16	Bê tông xi măng đường hẻm 91 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	41				41	38				38	92,5	
1.17	Bê tông xi măng đường hẻm 262 - QL22 ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước	41				41	41				41	100,0	
1.18	Bê tông xi măng đường tổ 10 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	71				71	71				71	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.19	Bê tông xi măng đường tổ 19-20 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	162				162	158				158	97,8	
1.20	Hệ thống chiếu sáng công cộng, trồng cây xanh và gỡ giảm tốc các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Thanh	150				150	150				150	100,0	
1.21	Làng nhựa đường trục ấp đường số 8 - QL.22B ấp Bông Trang, xã Thanh Đức	16				16	16				16	100,0	
1.22	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 10 ấp Tra Vò, xã Thanh Đức	97				97	93				93	96,5	
1.23	Bê tông xi măng đường trục ấp đường số 38 QL. 22B, ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	60				60	60				60	100,0	
1.24	Làng nhựa đường trục ấp đường số 32 - QL.22B ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	87				87	77				77	88,0	
1.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 12+14 ấp Bến Chò, xã Thanh Đức	16				16	6				6	36,2	
1.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 01+03 ấp Bến Rông , xã Thanh Đức	9				9	0				0	0,0	
1.27	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 7 ấp Đường Long xã Thanh Đức	17				17	17				17	100,0	
1.28	Làng nhựa đường trục ấp đường số 9 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thanh	77				77	63				63	81,7	
1.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp tổ 24+31 (2 Nhánh) ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thanh	3				3	0				0	0,0	
1.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chỉnh nôi đồng đường tổ 1,2 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	225				225	225				225	100,0	
1.31	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 8 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thanh	100				100	100				100	100,0	
1.32	Sửa chữa đăm bao giao thông các tuyến đường ấp Xóm Mía, xã Phước Trach (đường số 18, đường số 20, đường số 22, Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường số 5-782, 21-782, 22-782, 23-782, 8-HL1, xã Phước Đông	270				270	267				267	99,0	
1.33		140				140	138				138	98,4	
1.34	Nhà văn hóa - Thể thao ấp 4	85				85	82				82	96,4	
1.35	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Thanh Đức	530				530	530				530	100,0	
1.36	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Hiệp Thanh	100				100	100				100	100,0	
1.37	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Trach	140				140	140				140	100,0	
1.38	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
1.39	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Cẩm Giang	350				350	347				347	99,1	
*	Các công trình phát triển kinh tế - xã hội						0						
1.40	Sửa chữa trường Mẫu Giáo Phước Đông (Diêm lè)	80				80	80				80	100,0	
1.41	Sửa chữa trường Tiểu học Thị Trấn	130				130	130				130	100,0	
1.42	Sửa chữa trường Mầm non Trần Thị Sanh	130				130	129				129	99,0	
1.43	Nhà làm việc công an xã Hiệp Thanh	500				500	500				500	100,0	
1.44	Nhà làm việc công an xã Phước Trach	500				500	500				500	100,0	
1.45	Nhà làm việc công an xã Cẩm Giang	400				400	400				400	100,0	
1.46	Nhà làm việc công an xã Thanh Đức	500				500	500				500	100,0	
1.47	Nhà tang lễ huyện Gò Dầu	2.000				2.000	2.000				2.000	100,0	
1.48	Cải tạo 02 hàng mục phụ Ban Chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	150				150	150				150	100,0	
1.49	Xây mới hàng rào nhà làm việc Tiểu đội dân quân thường trực Khu liên hợp Phước Đông	150				150	150				150	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đối ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở	1.000				1.000	143				143	14,3	
3	Đối ứng xây dựng nông thôn mới	15.000	0	0	0	15.000	14.986	0	0	0	14.986	99,9	
	Giao thông												
3.1	Làng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.2	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	320				320	314				314	98,1	
3.3	Làng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310				310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230				230	230				230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900				900	900				900	100,0	
3.8	Làng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	380				380	372				372	97,9	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295				295	295				295	100,0	
3.10	Làng nhựa đường trục ấp đường số 52 nội tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.11	Làng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490				490	490				490	100,0	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Làng nhựa đường trục ấp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	130				130	130				130	100,0	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110				110	110				110	100,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ởng Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	80				80	80				80	100,0	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ởng Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	340				340	340				340	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh dương số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh (nhà ông Đắc)	300				300	300				300	100,0	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhành số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thanh	630				630	630				630	100,0	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chứa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thanh	290				290	290				290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	220				220	220				220	100,0	
3.27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thanh	220				220	220				220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà ba Bời)	125				125	125				125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Dân Văn Ranh)	145				145	145				145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	360				360	360				360	100,0	
3.31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	165				165	165				165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	290				290	290				290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	240				240	240				240	100,0	
3.34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	250				250	250				250	100,0	
3.35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Dôi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thanh	260				260	260				260	100,0	
3.36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	335				335	335				335	100,0	
3.37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	650				650	650				650	100,0	
3.38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	320				320	320				320	100,0	
3.39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	410				410	410				410	100,0	
3.40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	570				570	570				570	100,0	
3.41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250				250	250				250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rồng, xã Thanh Đức	410				410	410				410	100,0	
	Chiếu sáng - cây xanh												
3.43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thanh	600				600	600				600	100,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Cha ấp 7, xã Bàu Đôn	640				640	640				640	100,0	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	215				215	215				215	100,0	
4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác	44.000	0	0	0	44.000	27.279	0	0	0	27.279	62,0	
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	28.000				28.000	23.357				23.357	83,4	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/8/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4.2	Sơ chỉ huy thông nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	4.000				4.000	0				0	0,0	
4.3	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	305				305	5,1	
4.4	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thanh	5.000				5.000	2.618				2.618	52,4	
4.5	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000				1.000	100,0	
III	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	5.000	0	0	0	5.000	4.188	0	0	0	4.188	83,8	
I	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tư, xã Phước Trach	5.000				5.000	4.188				4.188	83,8	
IV	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100				2.100	2.100				2.100	100,0	

Gò Dầu, ngày 5 tháng 9 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thái Bình